TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/DS-PT
Ngày: 05-3-2025
V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Nam;

2. Ông Trần Thanh Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 656/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024, về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 190/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn S, sinh năm 1985; cư trú tại: ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm 1954; cư trú tại: ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị K: Ông Võ Khắc C, sinh năm

1954; cư trú tại: Tổ A, ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 25-11-2024); có mặt

Người kháng cáo: Bà Lê Thị K, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Văn S trình bày: Giữa anh và bà K không có mối quan hệ họ hàng, chỉ quen biết do anh có thời gian đi hợp tác lao động chung với cháu bà K. Năm 2019, anh không nhớ ngày, tháng cụ thể có cho bà K vay tiền. Ban đầu bà K vay anh số tiền 150.000.000 đồng, có trả được 100.000.000 đồng và sau đó vay thêm 30.000.000 đồng. Tổng cộng bà K còn nợ anh số tiền 80.000.000 đồng. Việc vay tiền có làm giấy viết tay, thể hiện ngày 04-7-2022 và ngày 11-01-2021, nội dung giấy vay tiền do anh viết, bà K ký tên và lăn tay, không thỏa thuận tiền lãi. Trong giấy mươn tiền ngày 11-01-2021, bà K hẹn đến ngày 13-01 trả trước 100.000.000 đồng, phần còn lại không hẹn ngày trả; giấy mượn tiền ngày 04-7-2022 thì không hẹn ngày trả, nhưng hai bên có thỏa thuận vài tháng sẽ trả. Từ ngày 04-7-2022 đến nay bà K chưa trả cho anh được số tiền nào.

Anh khởi kiện yêu cầu bà K trả cho anh số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 04-7-2022 đến khi xét xử sơ thẩm. Đối với yêu cầu phản tố của bà K anh không đồng ý, vì anh không nhận tiền hay vay mượn tiền gì của bà K.

Tại phiên Tòa, anh S thay đổi lại yêu cầu về việc tính tiền lãi, anh yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 17-7-2023 đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Lê Thị K trình bày: Bà K xác định không có vay tiền của anh S. Bà chỉ có đưa tiền cho anh S để lo giải quyết án cho bà. Giấy viết tay mượn tiền ngày 04-7-2022 và giấy mượn tiền ngày 11-01-2021 không phải do bà ký ra, do bà không rành chữ nên bà viết chữ ký rất xấu. Bà xác định chữ ký trong giấy viết tay mượn tiền ngày 04-7-2022 và ngày 11-01-2021 không phải của bà. Năm 2021, khi bà đưa tiền cho anh S lo vụ án của bà, thì anh S có viết giấy nợ bà tiền và anh S đọc lên cho bà nghe do bà không biết chữ, nên bà lăn tay vào giấy anh S đọc. Bà chỉ lăn tay vào một tờ duy nhất, bà không còn ký tên vào bất kỳ giấy tờ nào với anh S cả. Trước đó bà và anh S không có vay mượn tiền với nhau, bà chỉ biết anh S khi nhờ lo vụ án cho bà.

Anh S khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền vay 80.000.000 đồng và tiền lãi 12.240.000 đồng, bà không đồng ý, vì bà không có vay vay tiền của anh S. Đồng thời, bà phản tố yêu cầu anh S trả lại bà số tiền 230.000.000 đồng, anh S đã nhận theo giấy mượn tiền các ngày 11-01-2021; 20-4-2021; 21-10-2021; 14-3-2022.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 190/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; các Điều 161, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn S về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với bà Lê Thị K. Buộc bà Lê Thị K có trách nhiệm trả cho anh Huỳnh Văn S số tiền 89.528.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Lê Thị K về việc yêu cầu anh Huỳnh Văn S trả số tiền 230.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25-10-2024, bà Lê Thị K kháng yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà K cho rằng, chữ ký trong 02 giấy mượn tiền anh S cung cấp để khởi kiện bà K tại Tòa án, không phải do bà K ký ra, mà do cháu ngoại của bà Ký tên Lê Thị Diễm T ký và đề nghị Tòa án đưa đi giám định lại.

Anh S có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, ông C là người đại diện hợp pháp của bà K yêu cầu giám định lại giấy mượn tiền, vì cho rằng bà K không ký tên vào giấy nợ này, mà do cháu ngoại của bà ký tên nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở để xem xét. Với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy kháng cáo của bà K yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở xem xét. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu phản tố của bà K, nhưng không xác định bà K được quyền khởi kiện lại là chưa đầy đủ, cần bổ sung. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà K; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị K kháng cáo đảm bảo về thủ tục và trong thời hạn quy định của pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ngày 11-01-2021, bà Lê Thị K lăn tay, ký tên vào "Giấy mượn tiền" vay của anh Huỳnh Văn S số tiền 150.000.000 đồng và thỏa thuận sau 20 ngày trả trước số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi vay tiền, ngày 13-01 bà K trả cho anh S số tiền 100.000.000 đồng theo thỏa thuận; còn nợ lại 50.000.000 đồng. Ngày 04-7-2022, bà K tiếp tục ký tên vào tờ giấy có nội dung "…tôi tên Lê Thị K, sinh năm 1953, tôi có mượn của ông Huỳnh Văn S số tiền 30.000.000 đồng", không thỏa thuận thời gian trả nợ; cả 02 giấy nợ đều không thỏa thuận lãi suất. Tổng cộng bà K vay của anh S số tiền 180.000.000 đồng, đã trả 100.000.000 đồng, còn nợ 80.000.000 đồng.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bà K luôn trình bày không ký tên vào giấy vay tiền anh S cung cấp cho Tòa án để khởi kiện bà, nhưng tại Kết luận giám định số 1511/KL-KTHS ngày 21-8-2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận, chữ ký, chữ viết trên giấy mượn tiền ngày 11-01-2021 và ngày 04-7-2022 so với mẫu so sánh do bà Lê Thị K ký và viết ra. Sau khi có Kết luận giám định, bà K không phản đối, không yêu cầu Tòa án giám định lại và bà K cũng không có lời khai nào cho rằng chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 11-01-2021 và ngày 04-7-2022 do cháu ngoại bà tên Lê Thị Diễm T ký tên. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp cùa bà K cho rằng, 02 giấy nợ anh S cung cấp do cháu ngoại bà Ký tên Lê Thị Diễm T ký tên, chị T còn ký tên trên "Phiếu thu nhận thông tin căn cước công dân của bà Lê Thị K ngày 19-4-2021" và "Phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư của bà Lê Thị K ngày 19-4-2021", nên kết luận giám định do một người ký và viết ra và yêu cầu giám định lại nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Anh S khởi kiện yêu cầu bà K trả số tiền vay còn nợ 80.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 17-7-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 26-9-2024, số tiền 9.528.000 đồng là có căn cứ. Bà K kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S là có cơ sở. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà K là có căn cứ được chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Sau khi anh S khởi kiện bà K yêu cầu trả số tiền vay 80.000.000 đồng; ngày 20-5-2024, bà K có đơn phản tố yêu cầu anh S trả lại cho bà số tiền

230.000.000 đồng, được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý số 364/TB-TLVA ngày 04-7-2024; ngày 09-9-2024, bà K làm đơn xin rút đơn khởi kiện phản tố đối với anh S. Do đó, khi xét xử vụ án này cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bà K là có căn cứ, nhưng trong phần quyết định không áp dụng điều luật để đình chỉ và hậu quả pháp lý của việc rút đơn khởi kiện bà K có quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút hay không là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[6] Về chi phí giám định: Kết quả giám định chữ ký, chữ viết trên giấy mượn tiền theo yêu cầu của anh S là do bà K, ký và viết ra, nên bà K phải chịu chi phí giám định số tiền 2.610.000 đồng; anh S đã ứng nộp chi phí này. Do đó, bà K có nghĩa vụ trả lại cho anh S số tiền 2.610.000 đồng theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[7] Về án phí: Bà Lê Thị K là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 161, 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị K; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 190/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024, của Toà án nhân dân thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn S về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản". Buộc bà Lê Thị K có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Văn S số tiền vay 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và tiền lãi 9.528.000 đồng (chín triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn đồng). Tổng cộng 89.528.000 đồng (tám mươi chín triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Huỳnh Văn S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị K chưa thi hành xong số tiền trên cho anh S, thì bà K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Lê Thị K về việc yêu cầu anh Huỳnh Văn S trả số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng). Bà Lê Thị K được quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí giám định: Bà Lê Thị K có nghĩa vụ trả lại cho anh Huỳnh Văn S số tiền 2.610.000 đồng (hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

5.1. Bà Lê Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

5.2. Anh Huỳnh Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh S đã nộp 2.306.000 đồng (hai triệu ba trăm lẻ sáu nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0015162 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND thị xã TB;
- CCTHADS thị xã TB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Quốc Vũ